



Danh Sách Ghi Điểm
Học Kỳ 1 - Năm Học 09-10

Lớp: DH06CC (Cơ khí chế biến bảo quản)
Môn Học Chi tiết máy II (907103-01)
CBGD Phạm Đức Dũng (319)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
1	06119001	PHẠM ĐÌNH CHUNG	26/07/85					
2	06119010	ĐOÀN THỊ HỒNG DIỆU	10/11/88					
3	06119011	NGUYỄN HỮU DUY	08/04/88					
4	05119007	NGUYỄN VĂN HÙNG	18/10/86					
5	05119041	BẾ PHẠM THẾ HUY	05/04/87					
6	05119013	LÊ HIỂN NGHĨA	12/11/86					
7	06119020	BÙI CHÍ NGUYỄN	09/07/88					
8	05119056	TRẦN HẢI SON	09/03/87					
9	06119026	PHAN TRỌNG THI	20/09/88					
10	06119031	VÕ MINH TRUNG	10/01/88					
11	05119018	PHẠM XUÂN VIỆT	09/11/85					
12	05119083	NGUYỄN MINH XUÂN	10/01/86					

In Ngày 26/10/09

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán Bộ Coi Thi 1 _____ Cán Bộ Coi Thi 2 _____

Xác nhận của Bộ Môn _____ Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

In Ngày 26/10/09

TP.HCM, Ngày 26 tháng 10 năm 2009



Danh Sách Ghi Điểm
Học Kỳ 1 - Năm Học 09-10

Lớp: DH06CC (Cơ khí chế biến bảo quản)
Môn Học Thực tập gia công III (907132-01)
CBGD Khoa Phụ Trách Khoa Ck (T252)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
1	06119001	PHẠM ĐÌNH CHUNG	26/07/85					
2	06119010	ĐOÀN THỊ HỒNG DIỆU	10/11/88					
3	06119011	NGUYỄN HỮU DUY	08/04/88					
4	05119007	NGUYỄN VĂN HÙNG	18/10/86					
5	05119041	BẾ PHẠM THẾ HUY	05/04/87					
6	05119013	LÊ HIỂN NGHĨA	12/11/86					
7	06119020	BÙI CHÍ NGUYỄN	09/07/88					
8	05119056	TRẦN HẢI SON	09/03/87					
9	06119026	PHAN TRỌNG THI	20/09/88					
10	06119031	VÕ MINH TRUNG	10/01/88					
11	05119018	PHẠM XUÂN VIỆT	09/11/85					
12	05119083	NGUYỄN MINH XUÂN	10/01/86					

In Ngày 26/10/09

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán Bộ Coi Thi 1 _____ Cán Bộ Coi Thi 2 _____

Xác nhận của Bộ Môn _____ Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

In Ngày 26/10/09

TP.HCM, Ngày 26 tháng 10 năm 2009



Danh Sách Ghi Điểm
Học Kỳ 1 - Năm Học 09-10

Lớp: DH06CC (Cơ khí chế biến bảo quản)
Môn Học Máy & thiết bị thủy khí (907145-01)
CBGD Bùi Ngọc Hùng (314)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
1	06119001	PHẠM ĐÌNH CHUNG	26/07/85					
2	06119010	ĐOÀN THỊ HỒNG DIỆU	10/11/88					
3	06119011	NGUYỄN HỮU DUY	08/04/88					
4	05119007	NGUYỄN VĂN HÙNG	18/10/86					
5	05119041	BẾ PHẠM THẾ HUY	05/04/87					
6	05119013	LÊ HIỂN NGHĨA	12/11/86					
7	06119020	BÙI CHÍ NGUYỄN	09/07/88					
8	05119056	TRẦN HẢI SON	09/03/87					
9	06119026	PHAN TRỌNG THI	20/09/88					
10	06119031	VÕ MINH TRUNG	10/01/88					
11	05119018	PHẠM XUÂN VIỆT	09/11/85					
12	05119083	NGUYỄN MINH XUÂN	10/01/86					

In Ngày 26/10/09

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán Bộ Coi Thi 1 _____ Cán Bộ Coi Thi 2 _____

Xác nhận của Bộ Môn _____ Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

In Ngày 26/10/09

TP.HCM, Ngày 26 tháng 10 năm 2009



Danh Sách Ghi Điểm
Học Kỳ 1 - Năm Học 09-10

Lớp: DH06CC (Cơ khí chế biến bảo quản)
Môn Học Máy gia công cơ học NSTP (907242-01)
CBGD Nguyễn Như Nam (305)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
1	06119001	PHẠM ĐÌNH CHUNG	26/07/85					
2	06119010	ĐOÀN THỊ HỒNG DIỆU	10/11/88					
3	06119011	NGUYỄN HỮU DUY	08/04/88					
4	05119007	NGUYỄN VĂN HÙNG	18/10/86					
5	05119041	BẾ PHẠM THẾ HUY	05/04/87					
6	05119013	LÊ HIỂN NGHĨA	12/11/86					
7	06119020	BÙI CHÍ NGUYỄN	09/07/88					
8	05119056	TRẦN HẢI SON	09/03/87					
9	06119026	PHAN TRỌNG THI	20/09/88					
10	06119031	VÕ MINH TRUNG	10/01/88					
11	05119018	PHẠM XUÂN VIỆT	09/11/85					
12	05119083	NGUYỄN MINH XUÂN	10/01/86					

In Ngày 26/10/09

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán Bộ Coi Thi 1 _____ Cán Bộ Coi Thi 2 _____

Xác nhận của Bộ Môn _____ Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

In Ngày 26/10/09

TP.HCM, Ngày 26 tháng 10 năm 2009



Danh Sách Ghi Điểm
Học Kỳ 1 - Năm Học 09-10

Lớp: DH06CC (Cơ khí chế biến bảo quản)
Môn Học Máy nâng chuyển (907243-01)
CBGD Phạm Duy Lam (387)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
1	06119001	PHẠM ĐÌNH CHUNG	26/07/85					
2	06119010	ĐOÀN THỊ HỒNG DIỆU	10/11/88					
3	06119011	NGUYỄN HỮU DUY	08/04/88					
4	05119007	NGUYỄN VĂN HÙNG	18/10/86					
5	05119041	BẾ PHẠM THẾ HUY	05/04/87					
6	05119013	LÊ HIỂN NGHĨA	12/11/86					
7	06119020	BÙI CHÍ NGUYỄN	09/07/88					
8	05119056	TRẦN HẢI SON	09/03/87					
9	06119026	PHAN TRỌNG THI	20/09/88					
10	06119031	VÕ MINH TRUNG	10/01/88					
11	05119018	PHẠM XUÂN VIỆT	09/11/85					
12	05119083	NGUYỄN MINH XUÂN	10/01/86					

In Ngày 26/10/09

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán Bộ Coi Thi 1 _____ Cán Bộ Coi Thi 2 _____

Xác nhận của Bộ Môn _____ Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

In Ngày 26/10/09

TP.HCM, Ngày 26 tháng 10 năm 2009



Danh Sách Ghi Điểm
Học Kỳ 1 - Năm Học 09-10

Lớp: DH06CC (Cơ khí chế biến bảo quản)
Môn Học Máy, TB Pli hệ không đồng nhất (907244-01)
CBGD Nguyễn Thanh Phong (483)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
1	06119001	PHẠM ĐÌNH CHUNG	26/07/85					
2	06119010	ĐOÀN THỊ HỒNG DIỆU	10/11/88					
3	06119011	NGUYỄN HỮU DUY	08/04/88					
4	05119007	NGUYỄN VĂN HÙNG	18/10/86					
5	05119041	BẾ PHẠM THẾ HUY	05/04/87					
6	05119013	LÊ HIỂN NGHĨA	12/11/86					
7	06119020	BÙI CHÍ NGUYỄN	09/07/88					
8	05119056	TRẦN HẢI SON	09/03/87					
9	06119026	PHAN TRỌNG THI	20/09/88					
10	06119031	VÕ MINH TRUNG	10/01/88					
11	05119018	PHẠM XUÂN VIỆT	09/11/85					
12	05119083	NGUYỄN MINH XUÂN	10/01/86					

In Ngày 26/10/09

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán Bộ Coi Thi 1 _____ Cán Bộ Coi Thi 2 _____

Xác nhận của Bộ Môn _____ Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

In Ngày 26/10/09

TP.HCM, Ngày 26 tháng 10 năm 2009



Danh Sách Ghi Điểm
Học Kỳ 1 - Năm Học 09-10

Lớp: DH06CC (Cơ khí chế biến bảo quản)
Môn Học TT thiết kế máy CBNSTP (907245-01)
CBGD Nguyễn Như Nam (305)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
1	06119001	PHẠM ĐÌNH CHUNG	26/07/85					
2	06119010	ĐOÀN THỊ HỒNG DIỆU	10/11/88					
3	06119011	NGUYỄN HỮU DUY	08/04/88					
4	05119007	NGUYỄN VĂN HÙNG	18/10/86					
5	05119041	BẾ PHẠM THẾ HUY	05/04/87					
6	05119013	LÊ HIỂN NGHĨA	12/11/86					
7	06119020	BÙI CHÍ NGUYỄN	09/07/88					
8	05119056	TRẦN HẢI SON	09/03/87					
9	06119026	PHAN TRỌNG THI	20/09/88					
10	06119031	VÕ MINH TRUNG	10/01/88					
11	05119018	PHẠM XUÂN VIỆT	09/11/85					
12	05119083	NGUYỄN MINH XUÂN	10/01/86					

In Ngày 26/10/09

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán Bộ Coi Thi 1 _____ Cán Bộ Coi Thi 2 _____

Xác nhận của Bộ Môn _____ Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

In Ngày 26/10/09

TP.HCM, Ngày 26 tháng 10 năm 2009



Danh Sách Ghi Điểm
Học Kỳ 1 - Năm Học 09-10

Lớp: DH06CC (Cơ khí chế biến bảo quản)
Môn Học Tổ hệ thống CBNSTP (907246-01)
CBGD Nguyễn Như Nam (305)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
1	06119001	PHẠM ĐÌNH CHUNG	26/07/85					
2	06119010	ĐOÀN THỊ HỒNG DIỆU	10/11/88					
3	06119011	NGUYỄN HỮU DUY	08/04/88					
4	05119007	NGUYỄN VĂN HÙNG	18/10/86					
5	05119041	BẾ PHẠM THẾ HUY	05/04/87					
6	05119013	LÊ HIỂN NGHĨA	12/11/86					
7	06119020	BÙI CHÍ NGUYỄN	09/07/88					
8	05119056	TRẦN HẢI SON	09/03/87					
9	06119026	PHAN TRỌNG THI	20/09/88					
10	06119031	VÕ MINH TRUNG	10/01/88					
11	05119018	PHẠM XUÂN VIỆT	09/11/85					
12	05119083	NGUYỄN MINH XUÂN	10/01/86					

In Ngày 26/10/09

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán Bộ Coi Thi 1 _____ Cán Bộ Coi Thi 2 _____

Xác nhận của Bộ Môn _____ Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

In Ngày 26/10/09

TP.HCM, Ngày 26 tháng 10 năm 2009



Danh Sách Ghi Điểm
Học Kỳ 1 - Năm Học 09-10

Lớp: DH06CC (Cơ khí chế biến bảo quản)
Môn Học Kỹ thuật môi trường (907248-01)
CBGD Nguyễn Huy Vũ (610)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
1	06119001	PHẠM ĐÌNH CHUNG	26/07/85					
2	06119010	ĐOÀN THỊ HỒNG DIỆU	10/11/88					
3	06119011	NGUYỄN HỮU DUY	08/04/88					
4	05119007	NGUYỄN VĂN HÙNG	18/10/86					
5	05119041	BẾ PHẠM THẾ HUY	05/04/87					
6	05119013	LÊ HIỂN NGHĨA	12/11/86					
7	06119020	BÙI CHÍ NGUYỄN	09/07/88					
8	05119056	TRẦN HẢI SON	09/03/87					
9	06119026	PHAN TRỌNG THI	20/09/88					
10	06119031	VÕ MINH TRUNG	10/01/88					
11	05119018	PHẠM XUÂN VIỆT	09/11/85					
12	05119083	NGUYỄN MINH XUÂN	10/01/86					

In Ngày 26/10/09

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán Bộ Coi Thi 1 _____ Cán Bộ Coi Thi 2 _____

Xác nhận của Bộ Môn _____ Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

In Ngày 26/10/09

TP.HCM, Ngày 26 tháng 10 năm 2009



Danh Sách Ghi Điểm
Học Kỳ 1 - Năm Học 09-10

Lớp: DH06CC (Cơ khí chế biến bảo quản)
Môn Học Thực tập sản xuất (907249-01)
CBGD Nguyễn Thanh Phong (483)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
1	06119001	PHẠM ĐÌNH CHUNG	26/07/85					
2	06119010	ĐOÀN THỊ HỒNG DIỆU	10/11/88					
3	06119011	NGUYỄN HỮU DUY	08/04/88					
4	05119007	NGUYỄN VĂN HÙNG	18/10/86					
5	05119041	BẾ PHẠM THẾ HUY	05/04/87					
6	05119013	LÊ HIỂN NGHĨA	12/11/86					
7	06119020	BÙI CHÍ NGUYỄN	09/07/88					
8	05119056	TRẦN HẢI SON	09/03/87					
9	06119026	PHAN TRỌNG THI	20/09/88					
10	06119031	VÕ MINH TRUNG	10/01/88					
11	05119018	PHẠM XUÂN VIỆT	09/11/85					
12	05119083	NGUYỄN MINH XUÂN	10/01/86					

In Ngày 26/10/09

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán Bộ Coi Thi 1 _____ Cán Bộ Coi Thi 2 _____

Xác nhận của Bộ Môn _____ Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

In Ngày 26/10/09

TP.HCM, Ngày 26 tháng 10 năm 2009



Danh Sách Ghi Điểm
Học Kỳ 1 - Năm Học 09-10

Lớp: DH06CC (Cơ khí chế biến bảo quản)
Môn Học Máy chế biến lúa gạo (907253-01)
CBGD Trần Văn Khanh (069)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
1	06119001	PHẠM ĐÌNH CHUNG	26/07/85					
2	06119010	ĐOÀN THỊ HỒNG DIỆU	10/11/88					
3	06119011	NGUYỄN HỮU DUY	08/04/88					
4	05119007	NGUYỄN VĂN HÙNG	18/10/86					
5	05119041	BẾ PHẠM THẾ HUY	05/04/87					
6	05119013	LÊ HIỂN NGHĨA	12/11/86					
7	06119020	BÙI CHÍ NGUYỄN	09/07/88					
8	05119056	TRẦN HẢI SON	09/03/87					
9	06119026	PHAN TRỌNG THI	20/09/88					
10	06119031	VÕ MINH TRUNG	10/01/88					
11	05119018	PHẠM XUÂN VIỆT	09/11/85					
12	05119083	NGUYỄN MINH XUÂN	10/01/86					

In Ngày 26/10/09

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán Bộ Coi Thi 1 _____ Cán Bộ Coi Thi 2 _____

Xác nhận của Bộ Môn _____ Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

In Ngày 26/10/09

TP.HCM, Ngày 26 tháng 10 năm 2009



Danh Sách Ghi Điểm
Học Kỳ 1 - Năm Học 09-10

Lớp: DH06CC (Cơ khí chế biến bảo quản)
Môn Học Thiết bị sấy (907410-01)
CBGD Lê Anh Đức (328)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
1	06119001	PHẠM ĐÌNH CHUNG	26/07/85					
2	06119010	ĐOÀN THỊ HỒNG DIỆU	10/11/88					
3	06119011	NGUYỄN HỮU DUY	08/04/88					
4	05119007	NGUYỄN VĂN HÙNG	18/10/86					
5	05119041	BẾ PHẠM THẾ HUY	05/04/87					
6	05119013	LÊ HIỂN NGHĨA	12/11/86					
7	06119020	BÙI CHÍ NGUYỄN	09/07/88					
8	05119056	TRẦN HẢI SON	09/03/87					
9	06119026	PHAN TRỌNG THI	20/09/88					
10	06119031	VÕ MINH TRUNG	10/01/88					
11	05119018	PHẠM XUÂN VIỆT	09/11/85					
12	05119083	NGUYỄN MINH XUÂN	10/01/86					

In Ngày 26/10/09

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán Bộ Coi Thi 1 _____ Cán Bộ Coi Thi 2 _____

Xác nhận của Bộ Môn _____ Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

In Ngày 26/10/09

TP.HCM, Ngày 26 tháng 10 năm 2009